

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2024

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.
2. Ông Nguyễn Hoàng Khởi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1969 (có mặt)

**Bị đơn:** Bà Lê Thị Th, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Ch trình bày:**

**Về hôn nhân:** Ông Phạm Văn Ch và bà Lê Thị Th (sau đây gọi tắt là ông Ch, bà Th) cưới nhau vào năm 1988, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống ông Ch và bà Th thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Ch và bà Th đã ly thân từ nhiều năm nay nhưng không thể hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên ông Ch yêu cầu được ly hôn với bà Th.

**Về con chung:** Ông Ch và bà Th có 04 người con chung tên Phạm Thị

Oanh, sinh năm 1988, Phạm Văn Vũ, sinh năm 1990, Phạm Thị Diệu, sinh năm 1992, Phạm Văn Mót, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về chia tài sản chung:** Ông Ch và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Lê Thị Th trình bày:**

**Về hôn nhân:** Bà Th và ông Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Th và ông Ch đều đã lớn tuổi nên bà Th không muốn ly hôn để giữ sĩ diện với xui gia. Nhưng nếu ông Ch kiên quyết xin ly hôn thì bà Th cũng đồng ý.

**Về con chung:** Bà Th và ông Ch được 04 người con chung như ông Ch trình bày. Các con đã trưởng thành nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về chia tài sản chung:** Bà Th và ông Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:**

Nguyên đơn cung cấp: Sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân (phô tô); Giấy căn cước công dân (phô tô); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bà Th; Giấy xác nhận về việc không đăng ký kết hôn giữa ông Ch và bà Th.

Bị đơn cung cấp: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về hôn nhân: Ông Ch và bà Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân giữa ông Ch và bà Th không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn Ch và bà Lê Thị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Các con của ông Ch và bà Th đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung: Ông Ch và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002999 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ông Ch đã nộp xong.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn Ch và bà Lê Thị Th.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn Ch và bà Lê Thị Th được 04 người con chung nhưng đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Ông Ch và bà Th tự thỏa thuận về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002999 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ông Ch đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**